

Bảy Ngày ở Quảng Trị

TÓC MÂY

Tôi là một Y sĩ Trung úy mới tốt nghiệp khóa 18 Y Nha Dược sĩ Hiện dịch hồi tháng 12 năm rồi. Trong suốt thời gian còn học trong trường, trong đầu tôi, lúc nào tôi cũng nghĩ mình sẽ chọn Binh chủng Nhảy Dù khi ra trường nhưng hoàn cảnh làm tôi đã không thực hiện được ý muốn đó. Tôi chỉ có hai anh em, anh tôi, do học hành lận đận nên mặc dù hơn tôi hai tuổi nhưng anh đậu tú tài hai cùng năm 64 với tôi.

Chán việc học hành, anh đã tình nguyện gia nhập vào trường Võ bị Đà Lạt khóa 21 và ra trường năm 66, đơn vị Lực lượng Đặc biệt. Sau bao nhiêu lần vào sinh ra tử ở các toán Delta, toán A, khi LLDB giải tán và biến thành Biệt động quân Biên phòng. Trong khi đơn vị trừ bị cho LLDB là Liên đoàn 91 Biệt cách Dù đổi thành Liên đoàn 81 Biệt cách Dù (9 nút cho nó hên). Anh tôi trở thành người lính Biệt động quân từ đó. Chính vì lý do này mà vào giờ đứng lên chọn đơn vị, tôi đã chọn Liên đoàn 5 BĐQ với ý định gia đình mình có hai anh em thì nên đi cùng binh chủng...

Sau khi chọn đơn vị, chúng tôi, K.18 được đưa lên TYV Cộng hòa để học thêm khóa Giải phẫu Dã chiến 6 tuần. Vì vậy, ngày trình diện đơn vị của tôi là vào tháng 3/72 tại địa điểm hành quân của đơn vị tôi ở **Kompong Trapek, Kampuchia**. Tôi còn vui vẻ cho rằng mình được xuất ngoại dễ dàng khỏi cần visa hay passport gì cả!

Từ tháng 3/72 đến đầu tháng 4/72 là cuộc sống mới đầy xa lạ với người Y sĩ trẻ, trước giờ chưa bao giờ có kinh nghiệm

được ngủ dưới lườn xe M-113 hay dang đầu ngoài nắng suốt ngày dưới cái nóng khủng khiếp của Kampuchia không một bóng cây ngoài những cây thốt nốt đơn lẻ trên vùng đất đỏ sỏi đá mênh mông. Tưởng là cực khổ nhưng thật tình cũng thấy rất vui vì lạ, lần đầu trong đời mà sống kiểu như thế này. Rút về Tây Ninh cuối tháng 3 tiếng là để dưỡng quân nhưng chỉ mấy ngày sau, cả đơn vị tôi được xe GMC đưa ra phi trường Trảng Lớn để chất lên bao nhiêu chiếc C-130 đang chờ sẵn.

Tôi có một nhận xét về QY/BĐQ. Khi Cục QY có nhiệm vụ đưa các Y sĩ tới các đơn vị, có ông quan lớn nào đó đã vẽ ra cái cấp số cũng như cái hệ thống điều hành cho các Y sĩ tới các đơn vị như Nhảy Dù, TQLC, Bộ binh v.v... Nhưng theo tôi, có lẽ mấy ông đó quên mấy thằng đàn em ra BĐQ. Lúc tôi ra đơn vị thì mỗi Liên đoàn BĐQ chỉ có hai bác sĩ, một đàn anh là Y sĩ trưởng, đàn em thì gọi là Y sĩ điều trị. Anh Y sĩ trưởng LĐ 5 BĐQ của tôi là Bác sĩ Huỳnh Kim Chung, khóa 13 trung tập nghĩa là trên tôi một lớp và ra đơn vị trước tôi độ nửa năm. Tôi nhận thấy ngay từ ngày đầu, khi tôi hỏi anh Chung là trên tụi mình là ai thì anh Chung cũng không biết gì hơn tôi, anh cho biết, *“Tụi mình lãnh thuốc của LĐ 73 QY. Còn thì giữa đám BĐQ “chằng ăn” này chỉ có 2 thằng tụi mình rắng sống và che chở lẫn nhau vì nếu có chuyện gì xảy ra không tốt cho mình. Tao cũng không biết kêu ai để bệnh vực mình nữa chớ không phải như các đơn vị tác chiến khác, họ có Tiểu đoàn QY sau lưng.”*

Kinh nghiệm bản thân cho tôi thấy, cho tới ngày tôi rời BĐQ để trở về đời sống dân sự, tôi còn nhớ ngày tôi ở tù ngoài Bắc về, tôi đã được BS Đào Hùng (K15 hay 16 HD?) là Y sĩ trưởng BĐQ Vùng 1 tới trại An Dưỡng 1 ở Hoà Cầm, Đà Nẵng dẫn tôi đi chơi. Nhờ vậy tôi biết Y sĩ trưởng BĐQ Vùng 1 là ai, chớ còn ai là Y sĩ trưởng BĐQ Vùng 3 là Vùng của tôi, tôi thiệt tình cũng không biết là ai nữa!!

Mà thật vậy, sống ở đơn vị tác chiến, may mà bản chất tôi cũng là thằng cao bồi, du côn, chịu đánh đấm (nghĩa đen lẫn nghĩa bóng) nếu không nói thêm là gan lì, vậy mà ... từ các

sĩ quan từ thiếu tá trở xuống tới tôi binh nhì, tôi thấy là chơi được! Nhưng mấy ông xếp từ trung tá trở lên, thật tình thấy khó sống với mấy ông lắm.

Trở lại chuyện hành quân của tôi, khi tôi ra trình diện đơn vị thì BS Chung giới thiệu tôi với Trung tá Liên Đoàn trưởng (LD) rồi ngay ngày hôm sau có chuyến liên lạc bằng trực thăng (tôi cũng ra đơn vị bằng trực thăng theo một chuyến liên lạc từ hậu cứ ở Củ Chi), anh giao QY cho tôi rồi nhảy lên trực thăng và biến mất khỏi bầu trời Kampuchia. Từ đó cho tới lúc leo lên C-130 ở Trảng Lớn, tôi không hề được gọi đi họp hành quân để biết tin tức căn bản gì cả (mình đang ở đâu, sắp đi đâu, có sắp đụng không, nếu đụng, đụng có nặng không?). Y cụ, thuốc men thì khi cần thêm, tôi nhờ ban Truyền tin gọi máy về hậu cứ để BS Chung gửi thêm lên trong chuyến trực thăng liên lạc hàng ngày với hành quân...

Bởi vậy, khi thầy trò chúng tôi một chục mạng, mang theo một chiếc jeep Hồng thập tự và một chiếc Dodge 4x4 với cái chữ thập to tướng hai bên hông xe, leo lên C-130 tôi thiệt tình không biết mình sắp đi đâu cho tới khi đáp xuống khoảng 5 giờ 30 chiều, tôi thấy 4 chữ **Phi trường Phú Bài** ở cổng phi trường. Lúc đó tôi mới biết mình đã ra tới Huế (lại được du ngoạn những chỗ từ trước đến giờ chưa bao giờ được đi!) Nói du ngoạn thiệt là mắc cỡ, tôi có được thấy Huế gì đâu?

Đêm đó, 4/4/72, đoàn xe GMC chở LD 5 BĐQ chúng tôi chạy ào ào ra hướng Bắc. Hồi đầu, đệ tử Hải nẫu, trung sĩ y tá người Huế, “thô công” ngoài này, nói mình chạy hướng Bắc là ra Huế đó ông thầy. Vì Phú Bài là ở hướng nam Huế làm tôi tưởng bở, cứ nghĩ chắc mình ra Huế, biết đâu tối nay có dịp lắc thử dò sông Hương. Xe chạy tới Huế, rồi đi thẳng luôn làm tôi ngỡ ngàng, bây giờ hỏi thẳng Hải nẫu thì nó cũng hết biết mình đi đâu?

Trên đường xe chạy ra hướng Bắc, tôi thấy bao nhiêu người dân gồng gánh đi về hướng nam. Tôi thuộc địa lý nước VN mình nên tôi biết, những người đó phải là người dân ở tỉnh

phía bắc Huế (còn tỉnh nào khác ngoài Quảng Trị?). Chắc là đưng ngoài đó rồi! Đêm đó, ngủ lại Hương Điền, trong một căn cứ cũ của Mỹ hồi trước, tôi đâu có biết đêm đó là đêm cuối cùng tôi ngủ không nghe tiếng súng trong thời gian tôi ở ngoài này...

Tôi đề tựa bài viết này là 7 ngày ở Quảng Trị là vì 7 ngày đó bắt đầu từ 27/4 cho đến 03/5/72 với bao nhiêu biến cố cho cá nhân tôi, cho lịch sử chiến tranh VN . Hơn hết, sau này tôi mới biết, tôi là nhân chứng sống bằng mồ hôi, nước mắt (may mà không có máu!) trong cái mà nhà văn Phan Nhật Nam đã gọi là Đại lộ Kinh hoàng của Mùa hè đỏ lửa 1972.

Từ ngày 4/4 cho đến ngày 27/4, tôi được cái may mắn là trở về Saigon nhờ BS Chung trở ra thay cho tôi về hậu cứ nửa tháng. Do đó, tôi trở lại thay cho anh Chung vào ngày 20/4. Được cái, làm bác sĩ, kiểm máy bay đi vô đi ra cũng không khó lắm. Đơn vị tôi, LĐ 5 BĐQ ngày 20/4 có thể nói là tôi tả trông thấy. Hồi ở Kampuchia (tưởng chừng như kiếp trước) đi đánh nhau hoài bổ sung không đủ, mỗi đại đội tác chiến chỉ còn độ 5, 6 chục người. Từ ngày ra Quảng Trị tới nay đã gần tháng mà trước sau tôi chỉ thấy có một lần bổ sung quân số cho Liên đoàn là 200 tân binh. Thử chia đều 200 tân binh cho các đại đội thì Liên đoàn gồm 3 tiểu đoàn tức 12 đại đội, vậy mỗi đại đội nhận được khoảng 16 hay 17 người lính mới tò te có nghĩa một đại đội sẽ lên được gần 50 người, nghĩa là cũng chỉ bằng phân nửa con số lý thuyết.

Tôi vì chữa trị cho các thương binh nên tôi biết. Bấy giờ, đại đội nào còn “ngon lành” cũng không quá 50 người, đa số đều là trên dưới 30 mạng, nghĩa là quân số chỉ là một trung đội, nhưng **Chuẩn tướng Vũ văn Giai** không cần biết chuyện đó. Ông ta giao một tuyến cho đơn vị là đại đội để giữ (thực tế là một trung đội, hỏi giữ sao được trong khi chính SĐ 3 BB của ông đã bỏ ngõ Cửa Việt cho VC tràn qua đó để bọc hậu chúng tôi? Việc này sĩ quan ban 3 Liên đoàn, Đại úy Thọ, K19 Dalat, hồi ở trong tù CS ngoài Bắc nói cho tôi nghe trong nỗi tức giận của anh. LĐ 5 thì có nhiệm vụ lấy lại thị trấn Đông

Hà là cái mũi cực bắc của chiến trường lúc đó, khi tôi sau khi đi tour về hậu cứ xong trở ra thì TĐ 33 của LĐ 5 đã đánh chiếm lại rồi nhưng vấn đề là làm sao giữ đây? Từ 20 tới 27/4, tôi nằm với BCH/LĐ ở một cái nghĩa trang 5 cây số phía nam Đông Hà và ăn pháo VC suốt ngày đêm. Không bao giờ có nghe tiếng đê pa vì chỉ nghe toàn tiếng nổ. Đêm đêm nghe ké máy truyền tin của Trung tâm hành quân để theo dõi trận chiến ở Đông Hà khi VC đang cố đánh đơn vị tôi ở đó để dành lại cái thị trấn mà theo tôi nghe nói, giờ này có còn gì đâu ngoài những đống gạch vụn?

Có chút an ủi cho tôi, tôi gặp mấy thằng bạn cùng lớp, BS Huỳnh Văn Chính (tức ca sĩ Trung Chính), chàng lúc đó ở TĐ 6 TQLC cũng như BS Phạm Đăng Hương, bạn thân chí cốt của tôi, ở LĐ 4 BĐQ đều đang có mặt ở mặt trận Quảng Trị. Chính thì gặp giầy lát nhưng chưa bao giờ tôi thấy cảm động như lúc đó, hai thằng ôm choàng lấy nhau vì đúng là trong tâm tư, chúng tôi giống như hai con người gặp nhau ở một hành tinh xa lạ, hoàn toàn khác lạ với mình. Gặp nhau, nhờ bạn mà như thấy lại mình là ai. Tự nhiên mới hôm nào còn là một SV Y khoa vì vút ở đất Saigon mà giờ này, bom nổ đạn bay không ngớt. Rồi tôi cũng gặp được Phạm Đăng Hương, thằng bạn thân đã cùng bắt tay ước hẹn ra BĐQ với tôi. BS Hương thì mới bị lật xe jeep, may mắn là trầy sơ sịa nhưng tứ chi còn nguyên vẹn.

Những ngày ngoài mặt trận Đông Hà, tôi thật tình có thể nói như một người bị overdosed. Làm thì làm chết bỏ, mỗ nhỏ, may vá, moi miếng pháo, lựa thương trong khi trên đầu vẫn là đạn pháo bay ngang ào ào. Cuộc sống 24 giờ hết 23 giờ ở dưới hố cá nhân, thương binh được cứu chữa thì nằm trên bập bênh trên miệng hố, các y tá thì chạy lúp xúp để làm những gì tôi nhờ vả. Cái nguy hiểm là, thật tình nói bằng danh dự, tôi cũng có sợ nhưng sợ chắc không bao nhiêu vì tôi nghĩ, ai sao mình vậy, chỉ có cái chết của những người lính mới làm tôi cảm động.

Mặc dù là bác sĩ mới ra trường nhưng chúng tôi, ai cũng đã

từng chứng kiến bao nhiêu cảnh chết chóc xảy ra trong các BV mình đã đi qua. Nhưng ở đây thật không thể tả cái chết sao cho xiết được. Tôi còn nhớ mãi một buổi chiều, lúc đó, QY LD 5 BĐQ hợp tác với QY Thiết đoàn 20 Kỵ binh (là Thiết đoàn duy nhất ở Vùng 1 lúc đó trang bị bằng xe tăng M48) để bác sĩ của hai đơn vị giúp nhau giải quyết thương binh.



Phi Trường Phú Bài, Huế trước 1975

Chiều hôm đó, một chiếc GMC chạy về chỗ QY chúng tôi, cửa xe mở ra và mấy người lính thiết giáp khiêng xuống một cái băng ca trên đó có cái gì cơ hồ không phải một người nằm vì nó ngắn ngắn và to hơn hình thù của một con người. Mấy người lính thiết giáp, nước mắt nước mũi nhoè nhoẹt, khiêng băng ca chạy ào đến chúng tôi (rất tiếc, vì tuổi già, tôi đã quên tên anh đàn anh một lớp ở Thiết đoàn 20 Kỵ binh năm 72).

Thấy sự có mặt của những hai bác sĩ, họ đã đặt cái băng ca xuống đất và tranh nhau kêu gọi chúng tôi chữa cho người lính bạn họ đang nằm trên băng ca. Thì ra trên băng ca là một thương binh. Tôi nghĩ còn gì ghê gớm hơn cảnh một người lính ngồi trong xe thiết giáp bị đạn B40 hay B41 bắn xuyên vào xe và cắt đứt tiện 2 chân của anh, dĩ nhiên anh đã chết từ lúc nào rồi. Bạn đồng ngũ đã bỏ anh lên băng ca khiêng về nơi QY đóng quân để nhờ bác sĩ cứu chữa. Anh tử sĩ, người ngắn

ngủ vì mất hai chân, bạn anh đã đặt hai chân bên cạnh anh trong băng ca giờ này như một cái bồn đựng đầy máu. Trong đầu óc đơn sơ của những người lính trẻ, họ nghĩ bác sĩ như thần, như thánh, có thể chữa khỏi bất cứ cái gì, ngay cả làm cho người chết sống lại hay làm người bạn của họ gắn được hai chân trở lại... Tôi biết làm gì hơn là cũng đứng đó, nước mắt cũng chảy dài với họ?

Trung tá LĐT LĐ 5 BĐQ của tôi, nói thật, đã cho tôi những ngỡ ngàng không tả nổi. Như nói từ trước, tôi có bao giờ biết trước là LĐ bị đưa vào trận đánh lớn như thế này để dự trữ thuốc men y cụ các cái? Thành thật mà nói, ngoài việc về hậu cứ mới lên, tôi cũng không biết thời gian từ dự trữ gửi qua LĐ 73 QY tới lãnh về đơn vị tốn bao nhiêu thời gian nữa mà đơn vị tôi thì di động liên liên thì làm sao thực hiện được. Do đó, khi ra Quảng Trị, QY của tôi chỉ mang tất cả y cụ thuốc men của cuộc hành quân di động bên Kampuchia gồm có vài thùng thuốc và 6 cái hem hem chỉ nửa ngày đựng trận là đều có thương binh nằm trên đó. Bao nhiêu thương binh khác không có hem ca để nằm.

Dĩ nhiên là khi tản thương về BV Quảng Trị, mình có quyền đổi (trade) băng ca nhưng trong khi chờ đợi thì số thương binh đưa về cái nghĩa địa nơi BCH/LĐ đang đóng là con số hàng 3, 4 chục mỗi ngày. Làm sao tôi có thể để người chết nằm dưới đất? Thành ra thương binh của tôi, trong khi chờ tản thương thì phải nằm dưới đất. Cũng may Trời Phật độ cho tôi (hay cho đơn vị tôi?) không một trái pháo nào trong số hàng ngàn mỗi ngày bắn trúng vào chu vi BCH/LĐ nên không có cảnh người chết 2 lần, thịt da nát tan...

Nhưng vì tôi đã để thương binh nằm dưới đất nên bị Trung tá LĐT kêu lên lều chỉ huy để sĩ và thẩm thiết. Nào là thiếu chuẩn bị, không biết tính toán...

Ngày 27/4/1972

Buổi chiều, Trung tá LĐT gọi tôi tới lều chỉ huy và ra lệnh

tôi mang theo vài quân y tá về trình diện BV Quảng Trị. Theo ông ta cho biết thì các bác sĩ của BV Quảng trị đã bỏ đi hết về Huế, vì vậy các thương binh đưa về đó chỉ còn được hưởng sự săn sóc của những y tá không đường chạy và các bà sơ ở cái nhà Dòng trong tỉnh mà thôi. Giờ thì chỉ còn cách đưa các bác sĩ ở các đơn vị đang tham chiến ngoài mặt trận trở về đó để lo cho thương binh của đơn vị họ chứ không còn cách nào khác. Được lệnh, tôi giao QY/LĐ lại cho ông Xê, y tá trưởng hành quân, mới thăng cấp thượng sĩ để mang trung sĩ Hải “nẫu” và hạ sĩ Long “đại liên” theo chuyến Dodge 4x4 chở thương binh chạy về Quảng Trị.

Tuy hôm rày mang tiếng hành quân ngoài Quảng Trị nhưng đây là lần đầu tiên tôi được dịp vào thành phố. Không riêng gì tôi là dân miền Nam cũng như hạ sĩ Long của tôi, trung sĩ Hải nẫu dân Huế đặc cũng chưa bao giờ có dịp đặt chân ra thành phố này. Ba thầy trò tôi (Hải lái xe) chạy từ phía bắc về, qua cầu Thạch Hãn là tới ngã ba để quẹo trái vào thị xã. Con đường có hai hàng cây đầy bóng mát thật dịu, bù với cái nắng chang chang ở cái nghĩa địa BCH/LĐ đóng hôm nay. Ngay đầu con đường vào thị xã bên tay trái là tiền cứ của LĐ 5 BĐQ chúng tôi nhưng chúng tôi không ghé vào mà chạy thẳng vào bệnh viện ở quá nơi đó chừng vài hém thước.

Bệnh viện Quân Dân Y Quảng Trị là ba dãy lầu kang trang xếp hình chữ U mà trong sân là mấy cây phượng đang vào hè nên hoa đỏ nở rộ trông thật xinh đẹp nhưng chúng tôi không có cơ hội bình an để thưởng thức cái đẹp này lâu hơn vì ngay khi đó, như để chào mừng chúng tôi, một loạt pháo kích đã nổ đùng ngay đầu đó và hai trái đã rơi vào ngay trong sân BV làm vẩn đục bầu trời yên tĩnh, tiếng người chạy kêu nhau dồn dập lao xao. Quen kiểu sống mấy hôm nay, ba thầy trò chúng tôi đã vội lao ra khỏi xe để nằm sát xuống đất. Hình như bọn Cộng quân chỉ bắn để hù dọa thị xã hay để chứng tỏ sự có mặt của chúng gần kề mà thôi nên sau loạt pháo đó thì mọi sự trở lại yên ắng khác thường, cái im lặng sau những tiếng nổ lớn nghe như đè nặng trong tim tôi.

Khi tôi tìm đến cái cửa đề hàng chữ “Bộ Chỉ huy Bệnh Viện” rồi bước vào, thay vì tìm thấy những người mặc quân phục thì tôi chỉ thấy một bà sơ đứng tuổi đang ngồi đánh máy. Khi thấy tôi vào, bà sơ ngẩng lên và hỏi tôi:

- Trung úy cần gì?

- Dạ thưa ma soeur, tôi muốn gặp sĩ quan nào đó của Bộ chỉ huy BV.

- Còn ai nữa đâu đây mà gặp. Máy ông đi Huế hết trơn mấy bữa nay rồi.

- Vậy thì mình ở đây làm việc ra sao hả, ma soeur?

- Chúng tôi thuộc dòng tu gần nhà thờ La Vang, từ hôm chiến trường bùng nổ lớn thì Mẹ Bề trên đưa chúng tôi gồm mười mấy người tới giúp cho thương binh trong BV. Máy bữa nay thì tình hình có vẻ khó khăn quá, đồng bào thì bỏ chạy gần hết, có dịp ra phố Trung úy sẽ thấy. Còn mấy ông bác sĩ, nha sĩ, dược sĩ còn ở lại cho tới 2 hôm trước họ mới bỏ đi. À mà Trung úy là ai, tới BV có việc gì vậy?

- Dạ, chẳng đâu gì ma soeur, tôi là bác sĩ của LĐ 5 BĐQ năm ngoài gần Đông Hà gần tháng nay. Hôm nay ông xếp nghe nói các bác sĩ ở BV đã đi hết rồi nên ông ra lệnh cho tôi về đây để lo việc điều trị cho thương binh của đơn vị tôi.

- À, thế thì tốt quá, ở đây hiện có mấy bác sĩ của TQLC, SĐ 3 cũng đang làm việc kiểu như bác sĩ vậy.

- Vậy xin ma soeur vui lòng cho biết vấn đề ăn ngủ ra sao, tôi còn mang hai y tá đi theo và trại bệnh chỗ nào để mình chắc là phải bắt tay vào làm việc ngay thôi.

Thế là ma soeur đưa thầy trò chúng tôi tới khu ăn ở của nhân viên BV rồi sau đó đưa luôn xuống trại bệnh. Theo lẽ thì BV Quân Dân Y Quảng trị cũng có khu Nội, Ngoại, Sản, Nhi và phòng Nha như lệ thường nhưng giờ này thì 99% bệnh nhân đều là ngoại thương hết và đa số là thương binh của các đơn vị TQLC, BĐQ và SĐ3 cũng như một số ít là Địa phương quân.

Giường bệnh không đủ và nếu để đó sẽ tốn chỗ nên đã dẹp đi đâu hết. Hiện thương binh nằm sắp hàng dài dài dưới đất vừa có lợi nằm được nhiều người hơn vừa tránh được miếng pháo tốt hơn. Được cái là tuy nằm dưới sàn nhưng là sàn gạch bông phải nói là sạch sẽ chứ không như nằm dưới đất ngoài BCH/LĐ ở nghĩa địa ngoài mặt trận. Phòng nào cũng có nhiều cửa sổ nên thoáng mát. Những bình “nước biển” được treo bằng những biện pháp vô cùng dã chiến do ý kiến của nhân viên BV vì cái giá để treo cũng không đủ cung ứng cho nhu cầu. Điều tôi nhận thấy là không có bịch máu nào cả, chắc là ngân hàng máu đã hết sạch dự trữ, có ngon lành lắm cũng chỉ là Lactate Ringer là cùng.

Cái vui của tôi là ở đây, tôi được gặp lại các bác sĩ cùng lớp, Huỳnh Văn Chính (TQLC), Bùi Thế Chung, Nguyễn Văn Thành Như, Trần Văn Nhung (SĐ3BB). Chúng tôi bỏ mấy phút để cười đùa với nhau. Trong hoàn cảnh xứ lạ quê người gặp nhau, lại hem tình cảnh hem nỏ đạn bay nguy hiểm không bút mực nào tả xiết, thì cái tình cảm hemh bạn bè cùng khóa sao thấy ấm hem vô cùng.

Sau đó một chút là anh em sĩ chúng tôi, người nào việc nấy, cầm đầu cầm cổ vào lo cho thương binh của mình với sự phụ giúp của các y tá mang theo về từ đơn vị. Cái gì thiếu hay muốn lấy thì hỏi các bà sơ, mấy bà có thể nói nêu tấm gương hy sinh phục vụ thật cao cả. Chúng tôi làm vì nghề nghiệp, vì tình đồng đội, vì sứ mạng, còn mấy bà sơ, giờ nào cũng có mặt, lo lắng phụ giúp cho chúng tôi hết hem hết dạ. Tôi nghĩ, ngoài lý do thiêng liêng tôn giáo, có lẽ còn là tình người VN, trái tim biết đau khổ trước cảnh đổ máu của bao nhiêu chiến sĩ VNCH trẻ trung, đầy sức sống mà nay nằm rên siết hay mê man vì bom đạn của bọn cộng quân.

Chúng tôi làm việc quên cả cơm trưa, tới khi nghe đói mờ người mới hay là bên ngoài trời đã tối. Nhà ăn trong BV lúc đó có nhà bếp cũng là mấy bà sơ lo. Tôi không muốn làm phiền mấy bà soeur nên định rủ các bạn nhưng tìm không thấy ai bèn gọi hai quân y tá của tôi leo lên chiếc Dodge phóng ra tỉnh,

trước là kiểm cái gì bỏ bụng, sau để nhìn qua ít ra cũng thấy Quảng Trị cho dù hôm nay cái cảnh vật của thị xã thật không giống chi Quảng Trị bình thường khi chưa có chiến tranh tàn tói.

Những con đường tráng nhựa loang lờ vì dấu đạn pháo kích của cộng quân, hình ảnh những người dân phóng xe thật nhanh như cố trở về nhà cho sớm sau những phút giây vì việc nào đó bắt buộc phải ra khỏi mái nhà gia đình. Đường xá vắng vẻ một cách lạnh lùng, đèn đường chỉ còn đôi ba bóng chiếu cái ánh hem vàng vọt xuống hem đường đầy lá rụng và rác. Rác khắp nơi vì không còn ai làm công tác vệ sinh thành phố nữa. Nhà nhà cửa đóng then cài, kể ra số người dân còn ở Quảng Trị cũng không phải là ít, việc đó thì trong tương lai thật gần tôi sẽ thấy. Không khí tuy đầu hè nhưng ở miền Trung về đêm thì trời cũng lạnh lạnh. Cái lạnh này rất lạ, từ trước đến giờ sống trong miền Nam tôi không cảm thấy bao giờ. Lạnh không nhiều nhưng mơ hồ như những mũi kim nhọn đâm vào trong xương tủy. Mới tối hôm qua còn nằm ngoài trần địa, theo lẽ tôi phải thấy lạnh hơn nhưng tôi đã không hề cảm thấy nó, có lẽ vì cái không khí chiến tranh đang đè nặng lên đơn vị, và chung quanh tôi, tuy im lặng về đêm nhưng tôi biết vẫn có bao nhiêu chiến hữu nằm đâu đó. Ở đây, cái vắng tanh trong một thành phố lạ làm cho tôi thấy lạnh hơn là nằm trong cái bãi tha ma phía nam thị trấn Đông Hà nhiều.

Sau cùng thì thầy trò chúng tôi cũng tìm được quán ăn nhỏ để com nước xong còn trở về Bệnh viện. Tôi thấy ngoài ba thầy trò chúng tôi, những người có mặt ngoài đường hay trong quán ăn với chúng tôi đều là những quân nhân mà hầu hết là đồ xanh của Đ 3 BB hay địa phương quân tỉnh Quảng Trị. Những sắc lính còn lại là rằn ri TQLC, BĐQ cùng với một số thiết giáp mũ đen. Nhưng sắc lính nào cũng vậy, đa số đều mang trên người bộ quân phục dơ bẩn với cát bụi hành quân và gương mặt thì ai cũng hốc hác. Từ cái máy cassette rẻ tiền bên trong quán vẫn còn tiếng rên siết nỉ non của cô ca sĩ nào đó tôi không biết tên đang nhớ tới người tình ngoài mặt

trận đệm vào với tiếng pháo kích đi đùng từ xa xa vọng về. Chúng tôi lo thanh toán thật nhanh bữa cơm tối xong trở hem lái về BV.

Tôi hôm đó, Hải nẫu và Long đại liên trở qua tiền cứ Liên đoàn ở gần bên BV trước là để ngủ bên đó, sau là để có chỗ cất chiếc xe Dodge 4x4 của QY LĐ. Còn tôi thì tìm phòng trực của các bác sĩ để ngủ. Lúc bình thường, tôi đoán quý đàn anh “tĩnh tại” chắc ai cũng có nhà riêng ngoài phố, chỉ có trực mới ở lại đêm trong BV nên phòng trực chỉ có hai giường. Bởi vậy khi đám khóa chúng tôi (năm bác sĩ và có một dược sĩ, một nha sĩ không biết thuộc khóa nào) gồm bảy người ở các đơn vị về đây thì đúng là không có đủ giường. Dược cái các bà sơ (cũng các bà sơ) đã lo liệu chu đáo trước rồi, sàn gạch thì đã được lau sạch sẽ, trên đó trải sẵn chăn mền các cái cho hemh chúng tôi. Tưởng chừng chúng tôi lại có dịp bù khú cho bỏ nhưng cái mỗi một cũng như cái tinh thần căng thẳng đã làm cho anh em chúng tôi mới nằm xuống không lâu nhưng ai cũng đi vào giấc ngủ mặc cho tiếng bom đạn xa xa cứ việc đi đùng..

NHỮNG BÀI THƠ “QUA” VÀ “BẬU”

Lê Văn Quý

“Qua” và “Bậu” đều là đại từ nhân xưng đặc trưng của miền Trung và miền Nam ngày xưa. Nhưng nó được dùng nhiều nhất là ở vùng đất phương Nam.

“Qua” là ngôi thứ nhất, nếu dùng riêng lẻ là từ xưng hô

của người lớn tuổi với người nhỏ tuổi, nghĩa là tôi (là cô, chú, bác, anh, chị), nhưng khi dùng chung với “Bậu” thì nghĩa là anh, là cách xưng hô của chồng với vợ hoặc của người con trai với người yêu hoặc với người mà họ có ngó ý thương mến.

“**Bậu**” là ngôi thứ hai, là từ thân quý mà người con trai dùng để gọi vợ hay người yêu hay người con gái mà họ đem lòng thương mến.

*“Bướm xa hoa, bướm dật, bướm dò
Qua đây xa Bậu đêm chờ ngày trông.”*

Theo **GS Lê Ngọc Trụ** (1909-1979) gốc của từ “Qua” do chữ wá, hay đọc đúng hơn là u_á đọc theo giọng Triều Châu của chữ “ngã” tức là “tôi”. Cũng có giả thiết khác rằng sự liên hệ từ “Qua” với tiếng Mường và tiếng Nhật nhưng có lẽ lối giải thích của GS Lê Ngọc Trụ dễ chấp nhận hơn bởi sự giản dị.

*“Hôm qua Qua nói Qua qua mà Qua hồng qua
Hôm nay Qua nói Qua hồng qua mà Qua qua.”*

Từ “Qua” được dùng rất nhiều trong các tác phẩm của Nhà văn Hồ Biểu Chánh (1884-1958) như: Thầy Chung trúng số, Tơ hồng vương vấn, Sống thác với tình, Ai làm được... và nhiều tác phẩm khác nữa.

Nếu “Qua” đã là từ Triều Châu thì “Bậu” cũng rất có thể do âm Triều Châu mà ra. **Nhà văn Bình Nguyên Lộc** (1914-1987) có đưa ra gốc từ tiếng Mạ nhưng sau khi bàn luận với người Triều Châu, thì trong tiếng Triều Châu “pa_u” hay “páu” (giọng đọc khác nhau tùy vùng) là vợ, một danh từ bình thường và khi ghép vào một chữ nữa mới phân rõ ngôi thứ như “cha páu”, “cha pa_u” (vợ tôi) “deo pa_u” (vợ yêu) như ta dùng Hán Việt “tê phu, tê nội, hiền phụ, hiền thê...” Người Việt chung sống với người Triều Châu đọc trại là “bậu” và “Bậu” trở thành đại từ ngôi thứ hai.

*“Bậu có chồng chưa, Bậu thưa cho thiệt
Kẻo Qua làm tội nghiệp cho Qua.”*

Dù với cách lý giải nào thì từ “Qua” và “Bậu” cũng đều là từ ngoại lai. Tuy nhiên, khi được Việt hóa, “Qua” và “Bậu” trở thành những từ ngữ độc đáo của tình cảm thương yêu đôi lứa thật súc tích.

“Bậu qua phà Rạch Miễu, Qua lẻo đẹo theo sau.”

Qua- Bậu tiêu biểu cho ngôn từ Việt hóa của miền đất phương Nam, trong đó bên cạnh tiếng Hoa còn phải kể tiếng Pháp, tiếng Miên... Từ ngữ Việt hóa gốc Hoa phần nhiều được sử dụng giới hạn ở miền đất phương Nam là vì điều kiện chung sống, hội nhập nơi đây. Mặc dù, số từ ngữ Việt hóa rất nhiều nhưng đi vào ca dao, vãn chương phương Nam mạnh mẽ nhất có lẽ là hai từ “Qua” và “Bậu” (chiếm hơn phân nửa).

*“Trách mẹ với cha chớ Qua không trách Bậu
Cha mẹ ham giàu gả Bậu đi xa.”*

*“Bậu có chồng như cá vô lò,
Tương tư nhớ Bậu, dật dờ năm canh.”*

*“Bậu về kéo mẹ Bậu trông,
Kéo con Bậu khóc, kéo chồng Bậu ghen.”*

*“Vị dầu tình Bậu muốn thôi
Bậu gieo tiếng dữ cho rồi Bậu ra*

*Bậu ra Bậu lấy ông câu
Bậu câu cá bóng chặt đầu kho tiêu.”*

Nhà thơ **Phạm Hải Đăng** cũng sáng tác rất nhiều bài thơ có “Qua” và “Bậu” như:

BỄ BÀNG TÌNH QUA

*Nói hoài Bậu hồng thềm nghe
Để Qua ám ức đây ghe đem đi!*
*Vô tình trong buổi chiều kia
Bậu theo người khác, tình chia cách tình*
*Mình ên Qua đứng lặng thính
Nhìn theo con nước lục bình trôi theo*

*Trách ên Qua kiếp bọt bèo
Sóng xô sóng đập, sóng leo mạn thuyền
Mé sóng bến đợi mình ên
Bông Bần bông Mắm rơi lền trắng sông
Đường tình bạc bẽo long đong
Tình duyên dang dở đắng lòng Qua đau
Bậu ơi! Còn có thương nhau
Cửa Vàm Qua đợi, trái sầu Qua mang
Sông năm bảy ngã đò ngang
Bậu không đũa nữa bẽ bàng tình Qua.*

BẬU THÔI ĐƯA ĐÒ

*Mưa chiều, Qua dõi mắt theo
Bến xưa tình cũ ai gieo câu thề
Bậu còn nhớ đến tình quê
Để Qua trông ngóng, khi về cô đơn
Bậu đi mưa gió dỗi hờn
Lòng Qua trĩu nặng như con đò chiều
Ngày nào tíu tíu lời yêu
Tay Qua Bậu nắm nói điều mộng mơ
Sông Cửa Vàm thuở tình thơ
Qua thương Bậu nói: “mình chờ nhé Qua!”
Nào dè đâu, Bậu đã xa
Trầu cau chưa thắm, người ta lầy chông
Đứng nhìn chim sáo sang sông
Để Qua lẻ bạn đau lòng Bậu ơi
Giờ đây, cách biệt phương trời
Quê nghèo miệt thứ, Bậu thôi đưa đò.*

Ngày nay, “Qua” và “Bậu” đã trở thành dĩ vãng nhưng đối với những người con vùng đất phương Nam xưa, hai từ Qua – Bậu bình dị, chân quê này luôn gợi nhớ về một thời sơ khai với những tình cảm êm đềm, mộc mạc nhưng thấm đượm chân tình của những năm tháng cũ thân thương.

CŨNG LÀ NGƯỜI DỪNG

Phạm Hải Đăng

Nào ngờ con sáo sang sông
Bỏ ên Qua lại côi lòng mỡ côi
Xa rồi, buồn lắm Bậu ơi!
Bậu đi lấy chồng, chẳng nói Qua hay?
Câu hò, điệu lý còn đây
Bậu sang bên ấy biết ngày nào thăm
Gió lay mấy cội bông trầm
Trời mưa lâm tẩm ướt đầm đời Qua!
Sáo xô lông, sáo bay xa
Bỏ trên bến nước lời ca thêm buồn
Quốc kêu bù nước bù non
Bậu đi biệt xứ đâu còn mà mong!
Sông sâu biết có mấy dòng
Làm sao hiểu hết, được lòng người ta?
Có trách thì trách ên Qua
Vì Qua với Bậu cũng là người dừng.

CÂY ỔI NĂM XƯA

Qua buồn Bậu lắm Bậu ơi!
Năm xưa cây ổi một thời Qua chăm
Bây giờ, cũng đã năm năm
Bậu đi từ đó chẳng thăm một lần?

Xem thêm: Bài thơ Gặp Em Trong Mơ - Nhà Thơ Nguyễn Đình Huân.

Bậu dìu từ ngõ vào sân
Vô tình Qua gặp bản thân ruột gan
Ngó lơ không tiếng hỏi han
Để Qua chết sống nát tan lòng mình!
Có gì? Bậu cứ màn thình
Cho bông so đũa tội tình thay Qua

Bậu mình ơi!, dẫu đã xa
Không còn miệt thú cũng là cùng quê
Vẫn còn, ruộng lúa con đê
Đàn trâu ăn cỏ, cá trê trên đồng
Con đò, chở khách sang sông
Vậy mà Bậu nở lấy chồng mần chi?.



LỄ NÀO DỪNG DỪNG

Cái ngày Qua nói Qua qua
Mình ên tui đợi, vờn cà nó sâu
Chiều nào Qua vẫn đi câu
Ngang con ngõ nhỏ Qua đâu ngó vào!
Đọt bầu, nào muốn trèo cao
Để hoa mắc cỡ ghen ngào héo queo
Cỏ may, vất vẻo nhìn theo
Dòng sông lơ dẽnh, bọt bèo lênh dênh
Bến không đò, bến buồn tênh
Thác không có suối thì ghềnh cũng khó
Đong đầy ý nhạc tình thơ
Qua nghe đã hiểu giả đò làm ngơ?
Đợi chờ, xa lắc xa lơ
Mai sau một nợ hững hờ thì sao?

*Cứ chiều chiều, thấy nôn nao
Tình quê xóm nhỏ, lẽ nào đứng đưng.*

BẬU THÔI ĐƯA ĐÒ

*Mưa chiều, Qua dõi mắt theo
Bến xưa tình cũ ai gieo câu thề
Bậu còn nhớ đến tình quê
Để Qua trông ngóng, khi về cô đơn
Bậu đi mưa gió đổi hờn
Lòng Qua trĩu nặng như con đò chiều
Ngày nào tíu tíu lời yêu
Tay Qua Bậu nắm nói điều mộng mơ
Sông Cửa vàm, thuở tình thơ
Qua thương Bậu nói: “mình chờ nhé Qua!”
Nào dè đâu, Bậu đã xa
Trầu cau chưa thắm, người ta lấy chồng
Đứng nhìn chim sáo sang sông
Để Qua lẻ bạn đau lòng Bậu ơi
Giờ đây, cách biệt phương trời
Quê nghèo miệt thứ, Bậu thôi đưa đò./.*

HAI KIẾN

HUỲNH DĨ MINH - K28

Kính gửi NT!

*Xin gửi 1 bài viết về 1 truyện thật, mặc dù với thời gian
ra trường ngắn ngủi tôi rất tiếc không được phục vụ đất nước*

VNCH, nhưng qua các bài viết của các NT Phan Nhật Nam, Vương Mộng Long, Đoàn Phương Hải, Tô Văn Cấp, Trương Dưỡng v.v.v. và biết bao NT khác đã hy sinh mạng sống của mình qua các trận đánh trên khắp 4 vùng chiến thuật VNCH đã để lại trong tôi 1 niềm hãnh diện, hay 1 niềm cảm hứng và kính phục nguyện sẽ mang nó mãi đến khi không còn hiện diện trên cõi đời, tuy nhiên sau năm 1975 khi mất nước vào tay việt cộng (không viết chữ in) tôi cũng đã trải qua cuộc đời tù tội trong các trại tù hơn 11 năm mặc dù chỉ là cấp bậc Thiếu Úy mới ra trường được vài ngày, qua các cuộc trốn trại tôi sẽ viết lại các cuộc vượt trại và bị bắt lại; tôi đã chứng kiến các người tù là các NT và các bạn, và các anh em thuộc trường Võ Bị thương yêu giúp đỡ đùm bọc nhau trong hoàn cảnh nghiệt ngã tử nhục nhưng bù lại được các tù nhân của các quân trường bạn quý mến nể phục cái tinh thần VB gắn bó, không bỏ nhau chỉ cần biết là VB không cần biết anh là khóa nào. Chính đó là tình thân ái hun đúc từ cội nguồn Trường Mệ xa xưa; thế nhưng trong những ngày gần đây ở hải ngoại này mỗi tuần khi vào diễn đàn của VB số phân ưu mỗi tuần mỗi nhiều đó là các cựu SVSQ ra đi vĩnh viễn chắc chắn tương lai không xa cái tên cựu SVSQ VB cũng hoà tan trong cõi cô cùng vì khoá nhỏ như chúng tôi cũng đã ở vào độ tuổi ngoài 70. Tuy nhiên điều đáng buồn là chỉ vì cái TÔI (của 1 thiếu số) ở hải ngoại này mặc dù chúng ta đã hoàn toàn tự do không còn sống trong cái bóng của đảng việt cộng, làm cho cái tình thân ái VB này tan nát chỉ để thoả mãn cái TÔI phù phiếm, họ không nghĩ rằng chính họ 1 ngày nào đó cũng chẳng còn hiện diện trên cõi tạm này khi biển khơi mặt đất trong tâm họ chỉ mang theo nỗi niềm tỵ hiềm tức tưởi đáng lẽ ra là chút hình ảnh đẹp đẽ hào hùng của 1 quân trường cùng cái tình thân ái mà mình đã từng được hưởng với cái tâm BÌNH AN.

(truyện thật)

Trước 30/4 /1975, người dân Biên Hòa chẳng có mấy người biết đến những địa danh như Hiếu Liêm, suối Linh,

suối Chao, suối Kiết, Bà Hào, Mã Đà, Trị An hay dốc Mít Nài ... vì đó là chiến khu D của việt cộng, những tên trốn tránh tù tội gia nhập vào hàng ngũ đối phương .

Khi vc vào chiếm được miền nam chúng mở ra những khu kinh tế mới trong những vùng rừng sâu nước độc đuổi những người dân ở thành thị đến đó, thứ nhất khai phá rừng, thứ nhì là đã cướp xong nhà cửa của họ. Khi đó giám đốc lâm trường Hiếu Liêm là tên vc nằm vùng miền nam Tư Lợt được bọn cộng sản bắc việt gán cho cấp bậc thiếu tá, Tư Lợt vốn chỉ là 1 tên nông dân làm nghề hầm than, nuôi bò trong chiến khu D thế mà phải căng 1 cái đã trở thành quan chức!! Hỏi sao hắn không tận tụy hết lòng với bọn bắc cộng, nhưng phải công nhận 1 điều Tư Lợt là người chất phác thật thà mặc dù thất học nhưng trong hắn vẫn còn lương tri của 1 con người, nên ông ta cũng giúp đỡ cho những công nhân lâm trường hoặc những người khai phá rừng nhắm mắt làm lơ để họ chuyên chở củi, cây lậu về thành bán trong số đó có những người đã trở nên giàu có, thí dụ như tên T Diệu, 1 tên xuất thân làm nghề vá bánh xe tải, xe be ở Tân Vạn phút chốc đã trở thành đại gia tài sản không biết bao nhiêu mà kể, đúng như vc nói là **“đổi đời”** có những người trước 30/4/75 là những người dốt nát, nghèo khổ giờ với cái nhãn **“cách mạng”** đã trở nên giàu có, trong khi trong vùng được gọi là **“kinh tế mới”** có những gia đình trước đây là thầy, cô giáo, hoặc nhân viên các công sở, nhà báo, nhà buôn, hoặc những người có gia đình là cán bộ công chức hoặc quân nhân của chế độ Sài Gòn bị gán cho là **“ngụy”** nhà cửa tài sản bị tịch thu và phải lên vùng KTM, một hình thức cướp của trắng trợn, phải sống trong đói nghèo, trồng sắn, trồng khoai, bàn tay của những nữ sinh, thầy cô giáo, những dân thành thị ...giờ phải cầm cuốc, cưa, để phá rừng, phá rẫy kiếm miếng ăn gặp bao nhiêu bất trắc nào thú rừng rắn rết, nào đau ốm không thuốc thang chữa trị...

Đời sống dân miền Nam sau 30/4/ 1975 cho đến những năm sau đó với chính sách ngăn sông cấm chợ, thứ từ ngữ mới này cũng là sản phẩm của bọn bắc cộng rằng hô mã tấu cuộc

sống của người dân khổ sở cùng cực, những dân thành thị đổ xô lên rừng buôn than, củi, gỗ lậu, nên những nơi gọi là rừng sâu nước độc giờ đây người, nằm sưng, gổ đất ở những túp lều che tạm bợ, bọc theo vài ký gạo, muối, vài con khô...đề vào rừng kiếm chút gì đem về bán ở thành thị !!!! trong khi những tên nón cối, dép râu, khăn rằn vào thành chiếm nhà, chiếm đất, chẳng biết thế nào là nhà vệ sinh có máy xả nước, những bộ sofa êm ái, khi lên ngồi chúng rút cả 2 chân chồm hồm như những con khỉ già, ăn nói huênh hoang nào là 3 dòng thác cách mạng, sống nếp sống văn minh văn hóa mới xã hội chủ nghĩa (xhcn).....!!!!

Đề tả sơ về nhân vật Tư Lọt Giám Đốc Lâm Trường Hiếu Liêm, con người ông ta cao lớn mặt đầy những hố lỗ chỗ (không phải vì chiến tranh, mà do nạn mụn bọc) trên vành tai có 1 chùm như chùm nho mụn bọc, hình dáng trông què mùa, thô kệch, được cái ông rất dễ giải, thường nhắm mắt làm ngơ cho những người dân đốn củi lậu, hầm than lậu, tôi nghĩ ông ta chắc cũng bị dụ dỗ, tuyên truyền đi “giải phóng” mà ông hẳn không biết ý nghĩa!!!, nếu ông ta muốn làm giàu thì khi ấy ông đã trở thành tỉ phú, chứ không phải triệu phú, Ông thường đội cái mũ tai bèo như thời còn trong bung biên, bộ đồ nhà binh của cộng quân màu cứt ngựa tay cầm cây gậy tre khi đi vào rừng chắc để tránh rắn rết.. thường vào những nhà dân trong vùng để thử nhất thăm dò cách sinh hoạt của những người dân thành thị thử nữa là để chắc đảm dân này không phải là bọn “phản động”, nhưng có 1 điều là ông thường bỏ qua những vụ dân đốn gỗ lậu hoặc chặt củi, hầm than, dân chúng thường dùng xe đạp “thò”(cũng thử từ ngữ vc trước 30/4/75 chắc chẳng có ai biết đến thứ chữ nghĩa này) chở ra khỏi lâm trường mang bán ở thành phố, cuộc sống của người dân khi đó rất thiếu thốn nhiên liệu như xăng ,dầu, do đó mà củi than đã trở thành 1 thứ nhiên liệu chính yếu trong mọi sinh hoạt, Tôi còn nhớ những chiếc xe đồ, xe khách ngày trước chạy bằng xăng, dầu, những giờ đây chúng được thay thế bằng những thùng đựng than đặt phía sau xe được đốt nóng đồ để

lấy năng lượng chạy máy xe giống như thời xe hơi, xe lửa, tàu thủy chạy bằng hơi nước của những năm 1800 trông vừa kèngh càng xấu xí, vừa nóng bỏng bản thủ vì khi chạy nó để rơi rớt những cục than cháy đỏ trên mặt đường, lâu lâu tên lơ xe đeo bám phía sau dùng cây gậy đập vào thùng đựng than cháy đỏ cho rớt bụi tro để khỏi nghẹt ống dẫn hơi !!!

Nhờ có “giải phóng” với “đỉnh cao trí tuệ loài người” của vc, 1 miền nam VNCH có thời phồn thịnh, gắm vóc đã trở về thời “đồ đá” không phải bằng bom đạn Mỹ, Ngụy mà bằng chính những “sáng tạo tài tình của cách mạng.” Những cánh rừng bạt ngàn chiến khu D cũ của vc dùng để ẩn núp giờ bị phá triệt để không đường lối, những đoàn xe vận tải, xe be, chất đầy cây rừng được hạ bởi những toán thợ rừng bằng cưa máy, cưa tay.. đủ mọi loại phương tiện 1 cách vô tội vạ ngày đêm chở những xúc gỗ đủ loại từ bằng lăng, cây tạp đến những loại gỗ quý như cẩm lai, gỗ, mun.... chỉ vài năm rừng Hiếu Liêm bị phá sạch trơ trụi, những cánh rừng hàng trăm năm tuổi chẳng còn gì để làm giàu cho cho bọn nón cối dép râu ngu dốt với lòng tham không đáy, những người thợ rừng là những loại người vất vả, cùngh khổ, đem sức lao động để làm giàu cho bọn cán bộ, những tên kiếm lâm, những tên giám đốc lâm trường, trong khi họ chỉ kiếm được miếng ăn để sống, cái nghề mà dân thợ rừng gọi là “ăn tàng, ăn mật” vì trước khi hạ cây phải ngắm tàng cây để biết là khi cây đổ sẽ về hướng nào, nhìn mặt cưa bắn ra để biết là cây sắp đổ hay chưa, tai nạn nghề nghiệp là chuyện thường, hạ được 1 cây mò hôi đổ ước áo, đôi khi cây đổ không theo hướng mình muốn, trong trường hợp gọi là phản tàng, cây bị vướng bởi dây leo đâm ngược lại, người thợ rừng bị trúng cú này thì chỉ từ chết đến bị thương, những tai nạn như vậy chẳng có ai bồi thường cho 1 xu teng.

Trong khoảng thời gian này tôi mới vượt trại tù Hàm Tân Z30C sống vất vưởng ở Biên Hòa, rày đây mai đó khi ở nhà người bạn này 1 đêm khi ở nhà người bạn khác, khi viết lại những dòng này tôi nhớ đến người bạn tên T nhà ở gần công quân đoàn 3, bạn này cùng ở tù chung với tôi từ những ngày

đầu tiên ở trại Phú Lợi, sau đó về thành ông Năm Hốc Môn đến năm 1977 chuyển lên trại Katum Tây Ninh, tôi vượt trại ở đây lần thứ nhất, tôi không gặp lại T cho đến sau khi từ trại Suối Máu đưa tôi về Hàm Tân tôi lại vượt trại (khoảng tháng 11- 1980)

Tình cờ gặp lại, T biết hoàn cảnh của Tôi nên đề nghị giúp Tôi bằng cách bỏ tiền ra mua 1 cây cưa máy hiệu Remington, loại cưa máy của quân đội Mỹ, và giới thiệu Tôi với S. Người gốc Miên, Tôi cũng biết S lúc ở cùng trại tù T8 Phú Lợi nhưng không quen thân vì khác đội T nghe nói S biết sử dụng cưa máy nên đề nghị S và Tôi lên Lâm Trường Hiếu Liêm xin khai thác gỗ cùng với chủ thầu đội do 2 anh em Ph và Th, và T cũng dự định lên làm rừng sau, nếu có trở ngại với đám vc địa phương, có lẽ thời gian này T chuẩn bị vượt biên, S cũng từng ở tù chung với chúng tôi từ T8 Phú Lợi, nhưng cây cưa cũ cần phải sửa chữa, S nói là biết sửa nên tháo bung ra nhưng sau cùng cây cưa cũng ì ra không nhúc nhít, trong khi chờ sửa chữa cây cưa, Tôi lên LT Hiếu Liêm trước để coi xem lối sinh hoạt của thợ rừng như thế nào, trong thời gian này Tôi làm quen với Qu người Cần Thơ 1 sĩ quan Không Quân cũng mới đi tù về, để tránh sự dòm ngó của vc địa phương nên mua 1 cây cưa hiệu Culock cũ của Đức đi cùng với em lên phá rừng cũng ở trong đội của Ph và Th; ngoài ra Tôi cũng đi theo những tay thợ rừng khác để học hỏi kinh nghiệm, nhờ vậy Tôi học hỏi được rất nhiều những thủ thuật sử dụng cưa và cách thế hạ cây, ngắm tàng, đo cây...và lại tôi biết cách đi rừng nên không bao giờ đi lạc, những tay thợ cưa khi đi vào rừng chỉ 1 mình, đi rất sâu vào những cánh rừng rậm không thấy anh mặt trời.

Trong thời gian chờ S sửa cưa, như S hứa sửa xong sẽ lên LT ngay, chờ hơn 2 tuần không thấy tăm hơi S, sau cùng S chẳng bao giờ lên Hiếu Liêm, trong thời gian này để có tiền ăn uống sống sót, Tôi đi theo cánh thợ làm than”kính cây cày” , cây cày là 1 loại cây mà sợi của nó chằng chịt quấn vào nhau rất khó chẻ, phải dùng những con nôm bằng sắt chêm vào

những kẻ nứt của cây và dùng búa bổ vào con nêm để cây nứt từ từ theo thớ, công việc gian nan không thể tả, cày cày 1 loại cây mà tất cả những thợ rừng đều chê vì thớ cây đan chéo vào nhau rất khó hạ, chỉ những chủ lò than muốn những tay cưa tay hạ cây, sau khi hạ xong cưa thành khúc sau cùng dùng con nêm sắt bổ ra thành thanh nhỏ mới đưa vào lò than để hầm, trong thời gian trong tù tập trung của vc lòng bàn tay Tôi cũng đã chai cứng thế mà khi kinh cay cày bàn tay vẫn phồng giộp chảy máu phải nhiều ngày sau đóng vẩy thành những lớp chai....

Trong thời gian này Tôi trôi dạt về Vĩnh An Cây Cày, để theo toán hầm than công việc cực nhọc không tả, lúc bấy giờ LT Vĩnh An còn nhiều rừng, trưởng hạt kiểm lâm khi đó là Hai Kiên, hấn khoảng trên 30, người mập mạp, trắng trẻo, trong khi những tay thợ cưa, thợ rừng, những dân làm rẫy ốm đói trơ xương, công việc làm lao nhọc vất vả, quần áo, mình mẩy lúc nào cũng mồ hôi, rách nát, Hai Kiên chỉ ngồi không trong trạm gác cửa rừng ở dốc Mít Nài mà làm giàu, vì tất cả những xe be chở cây củi ra khỏi rừng đều phải “chi đẹp”, và ngay cả những người dân cùng khổ với chiếc xe đạp thồ nặng trĩu những củi mót, củi sót trong rừng khi qua trạm cũng phải nạp tiền”mãi lộ.”

Khoảng thời gian 1981,82, chẳng mấy chốc từ là 1 trưởng trạm kiểm lâm, hấn nhảy lên làm trưởng hạt sau là phó giám đốc LT. Hai Kiên là 1 con “heo nọc,” hấn thuộc loại già không bỏ nhỏ không tha, có nhiều lần những cô gái đi xe đạp thồ vào LT mót củi qua trạm của hấn được hấn gọi đặc biệt vào trạm (trạm là 1 căn nhà cây nhỏ để những người ngồi gác cửa rừng vào nghỉ ngơi) để nạp “mãi lộ” bằng chính thân thể của họ, có lẽ vì quá nghèo khổ nên nhiều cô đành nhắm mắt cho hấn thỏa mãn, trong thân thể rã rời, hôi hám mồ hôi nhếch nhác sau 1 ngày mệt nhọc mót củi và vận chuyển củi từ trong rừng sâu để tới được trạm.

Đó là thứ đạo đức cách mạng của vc rêu rao, thực chất Hai Kiên trước 30/4/1975 chỉ là 1 tên du thủ du thực người gốc Bà

Rịa Vũng Tàu trong những năm trước làm ăn bất chính trốn vào mật khu, đến ngày 30/4 trời ra mạng băng đỏ, nhờ khéo chạy chọt nên vào làm cho hạt kiểm lâm của lâm trường Vĩnh An, lý lịch của hắn là thế đó, mà sau này đi đâu cũng được gọi 1 tiếng anh hai, 2 tiếng anh hai, cũng vì bản chất luôn lọt hắn lần lượt trở thành trưởng hạt kiểm lâm kế đó là phó giám đốc lâm trường.. 1 tên lưu manh chẳng qua trường lớp nào mà giờ nghiêm nhiên trở thành phó giám đốc, rồi hắn chạy chọt leo lên làm giám đốc lâm trường Mã Đà thế cho Tư Lọt.

Nước chanh hết thì bỏ vỏ, Tư Lọt, giám đốc lâm trường xuất thân từ tên chẵn bò về hưu, mà vc gọi đó là”phục viên”, những tên nằm vùng miền nam lập công trạng dẫn dắt bắc cộng vào để “giải phóng” giờ lần lượt bị cho về vườn đuổi gà cho vợ.Trong thời gian làm giám đốc lâm trường Mã Đà hai Kiên’lấy’ bất kỳ những người dưới quyền mà hắn thấy được mắt, 1 con heo nọc, nhưng không ai dám chống đối, vì hắn chỉ cho chút “cây, than...”mà hắn tịch thu của dân lao động là xong, nhưng có 1 điều trở trêu hắn gả cho em vợ hắn cô thư ký dưới quyền mà hắn ăn ở đã có bầu để phi tang che dấu bà vợ la sát của hắn...

Sau hơn 2 năm làm giám đốc, lâm trường đã cạn kiệt cây những cánh rừng bạt ngàn giờ chỉ còn lại những cây con trồng hoác, gỗ quý, gỗ tạp... gì cũng chẳng còn thậm chí đến cây cày làm than cũng biến mất. Đứng, vc vào “giảiphóng” những tài nguyên quốc gia chạy vào túi của lũ cán bộ ngu dốt đang ngồi trên đầu trên cổ người dân.Mặc dù vậy, dường như người dân vẫn chưa ‘tỉnh dậy’vẫn tiếp tục để cho chúng cai trị. Đó là truyện của chỉ 1 tên hai Kiên, còn biết bao tên 2 Kiên như thế.

Sau bao năm vợ vét, có lần 1 người quen cho biết, 2 Kiên giờ bị 1 cú tai biến mạch máu não, gần nằm liệt nhưng hắn đã đổ tất cả tài sản qua Singapore chữa trị, giờ đang nằm thoi thọt chờ chết, đúng là trời cao có mắt.